

UBND THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TRƯỜNG TH&THCS THÁI HỌC



KẾ HOẠCH
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG
TH&THCS THÁI HỌC GIAI ĐOẠN 2025 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

KẾ HOẠCH

Chiến lược phát triển trường TH&THCS Thái Học giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035

Trường TH&THCS Thái Học được thành lập trên cơ sở sáp nhập 2 trường Tiểu học Thái Học và trường THCS Thái Học từ tháng 6 năm 2019 theo Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND thành phố Chí Linh. Trước khi sáp nhập, cả trường TH Thái Học và trường THCS Thái Học đều đã được công nhận là trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3. Đến tháng 11 năm 2022, Trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2. Thư viện nhà trường được công nhận thư viện Tiên tiến vào tháng 1 năm 2020, đạt thư viện mức độ 2 vào ngày 05 tháng 03 năm 2025 theo quyết định số 133/QĐ- PGDĐT của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Chí Linh. Nhiều năm liền trường đạt danh hiệu Tập thể LĐTT. Đảng, chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể, PHHS thường xuyên chăm lo đến các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Năm 2019, trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030. Sau 5 năm thực hiện kế hoạch, trường TH&THCS Thái Học đã đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận. Cơ sở vật chất của nhà trường được tu bổ, xây dựng khang trang. Đội ngũ CB, GV, NV đầy đủ, và có năng lực chuyên môn vững vàng. Chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường duy trì ổn định.

Để tiếp tục phát triển nhà trường trong tình hình mới, cần thiết phải xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2020, tầm nhìn 2035. Việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược của trường TH&THCS Thái Học là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện nghị quyết của Đảng về đổi mới giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương trong việc hội nhập và phát triển.

PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2161/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia;

Căn cứ Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội các cấp về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo bậc giáo dục phổ thông; Nghị quyết của Đại hội chi bộ Trường TH&THCS Thái Học nhiệm kỳ 2024 - 2027;

Căn cứ kết quả đạt được trong giai đoạn 2020 - 2025 và tình hình thực tế của đơn vị, trường TH&THCS Thái Học xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025 - 2030 tầm nhìn 2035.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025 - 2030 tầm nhìn 2035 nhằm xác định rõ phương hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban Giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh nhà trường.

PHẦN 2. BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG

I. Bối cảnh bên ngoài

1. Thời cơ

1.1. Về cơ chế, chính sách:

Đảng và Nhà nước ta đã và đang xây dựng các cơ chế, chính sách về giáo dục rất đúng đắn, phù hợp với điều kiện thực tiễn và xu hướng phát triển của giáo dục trong thời kì hiện nay bằng việc ban hành các Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện

giáo dục và đào tạo; Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông.

Ở địa phương, trong những năm gần đây, nền chính trị của thành phố nói chung, phường Thái Học nói riêng tương đối ổn định; kinh tế địa phương có những bước phát triển mới. Vì vậy, việc đầu tư cho công tác giáo dục của địa phương đối với nhà trường được quan tâm đầu tư hơn.

1.2. Về bối cảnh lịch sử:

Thái Học là một phường mới thành lập, nằm ở phía Nam của Thành phố Chí Linh, phía Đông giáp phường An Lạc, phường Văn Đức; phía tây giáp phường Chí Minh, phía nam giáp phường Tân Dân, phía Bắc giáp với phường Sao Đỏ. Phường Thái Học có trục đường quốc lộ 37 chạy qua. Đây là điều kiện thuận lợi để nhà trường hòa chung với đà đi lên của một thành phố trẻ.

Trình độ dân trí của địa phương đáp ứng được yêu cầu PCGD. Hiện nay, 100% dân số của phường đạt trình độ phổ cập giáo dục cấp tiểu học, không có trường hợp nào mù chữ. Đây là nền tảng tốt cho việc phát triển giáo dục ở cấp THCS nói riêng, ở toàn phường nói chung.

2. Thách thức

2.1. Về cơ chế, chính sách:

Cơ chế chính sách cho giáo dục có nhiều đổi mới, các cơ sở giáo dục có quyền tự chủ ngày càng cao. Để thực hiện tốt quyền tự chủ đó, đội ngũ cán bộ, giáo viên phải không ngừng học hỏi, nâng cao năng lực và phẩm chất mới có thể đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác quản trị nhà trường và nâng cao chất lượng giáo dục.

Kinh tế địa phương phát triển theo xu hướng thị trường hóa, nhiều gia đình bị cuốn theo vòng quay mạnh mẽ, khắc nghiệt của nền kinh tế thị trường, nhiều nhân lực trẻ đi lao động tại nước ngoài nên không có điều kiện quan tâm đến giáo dục con cái. Vì vậy việc phối hợp với gia đình học sinh trong phát triển giáo dục của nhà trường gặp nhiều khó khăn.

2.2. Về văn hóa:

Trình độ dân trí của phường Thái Học tuy không thấp nhưng lại chưa đồng đều. Tỷ lệ dân trí cao còn ít. Nhận thức của một số dân địa phương về giáo dục chưa được đầy đủ và đúng đắn. Nhiều người dân chỉ có nguyện vọng cho con em học hết THCS và đi làm công nhân hoặc làm thuê lao động phổ thông. Vì vậy, việc xây dựng kế hoạch giáo dục đòi hỏi phải vừa hướng đến những mục tiêu

chung để đáp ứng yêu cầu phát triển của giáo dục, vừa phải phù hợp với mục đích, nhu cầu, điều kiện của người dân.

II. Bối cảnh bên trong

1. Điểm mạnh của nhà trường

1.1. Về đội ngũ CB, GV, NV:

Nhà trường có tương đối đầy đủ số lượng giáo viên theo quy định. Hiện tại nhà trường có 31/33 chiếm 93,9% cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn. Phần lớn giáo viên có năng lực chuyên môn khá vững vàng, có trách nhiệm trong công tác giảng dạy. Tập thể CB, GV, NV của nhà trường đoàn kết, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm trong công tác chuyên môn.

1.2. Về quy mô trường lớp:

Trường có quy mô nhỏ. Trong 5 năm liên tiếp (từ 2025 đến 2030) dự kiến sĩ số học sinh phát triển từ 550 đến 590, số lớp từ 17 đến 18 lớp. Bình quân số HS/lớp hằng năm dự kiến từ 31- 33 em, thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Đa số học sinh trong nhà trường ngoan ngoãn, thật thà, có ý thức học tập.

1.3. Về tài chính:

Ngoài nguồn ngân sách do nhà nước cấp, nhà trường có nguồn hỗ trợ từ học phí của học sinh và kinh phí huy động từ các nguồn lực ngoài nhà trường. Các nguồn kinh phí trên đảm bảo cho việc chi trả lương cho CB, GV, NV trong trường, tu bổ CSVC, bổ sung trang thiết bị và chi phí tối thiểu cho các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

1.4. Về cơ sở vật chất:

Nhà trường tương đối đủ phòng học, phòng bộ môn và các phòng chức năng phục vụ học tập cho học sinh; đủ phòng làm việc cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trang thiết bị phục vụ các hoạt động giáo dục đảm bảo ở mức cơ bản.

Chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường ổn định, trong những năm gần đây, chất lượng giáo dục của nhà trường luôn đứng ở tốp nửa cuối các trường TH&THCS trong thành phố Chí Linh.

2. Điểm yếu của nhà trường

2.1. Về đội ngũ:

Nhà trường còn thiếu nhân viên y tế. Cơ cấu giáo viên giữa các bộ môn chưa cân đối. Nhà trường thiếu giáo viên Lịch sử, Công nghệ, Vật lý, Tin học, giáo viên

chuyên Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật chuyển từ cấp THCS dạy cấp Tiểu học dẫn đến khó khăn về phương pháp giảng dạy.

Trình độ, năng lực của đội ngũ giáo viên không đồng đều. Còn 02 giáo viên có trình độ chuyên môn Cao đẳng. Còn một số ít giáo viên chưa nhiệt tình, tích cực tự học tự nghiên cứu nâng cao năng lực, chưa chủ động, linh hoạt trong việc đổi mới phương pháp dạy học. Vì vậy, việc phân công lao động, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường còn gặp nhiều khó khăn.

Năng lực giáo viên chưa đồng đều. Một số giáo viên có tuổi chậm và ngại đổi mới, hạn chế và ngại ứng dụng CNTT. Một số giáo viên cao tuổi, nhân viên hợp đồng còn hạn chế trong việc tiếp cận với kiến thức mới đặc biệt lĩnh vực công nghệ số. GV phải kiêm nhiệm nhiều công việc nên một số công việc hiệu quả thực hiện chưa cao.

Một số giáo viên trẻ mới ra trường, kinh nghiệm còn ít, phương pháp giảng dạy, chủ nhiệm chưa thật phù hợp với mọi đối tượng học sinh. Một số giáo viên sức khỏe hạn chế, nghỉ ốm dài hạn nên trường phải hợp đồng một số giáo viên trường khác.

Một số môn chỉ có một giáo viên dạy nên việc học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn không thuận lợi; việc sinh hoạt nhóm chuyên môn để nghiên cứu bài học và hoạt động chuyên đề còn gặp khó khăn.

2.2. Về học sinh:

Một số học sinh trong trường chưa ngoan, chưa hiếu học. Một số em gặp khó khăn trong học tập, điều kiện học tập còn nhiều hạn chế. Vì vậy, đòi hỏi việc xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo vừa phát triển được năng lực của các học sinh đại trà và mũi nhọn, vừa giúp đỡ được các học sinh học yếu hoặc gặp khó khăn trong học tập.

2.3. Về tài chính và cơ sở vật chất:

Nguồn ngân sách nhà nước cấp và kinh phí huy động từ các nguồn lực của nhà trường rất hạn hẹp.

Cơ sở vật chất nhà trường chưa đầy đủ, đồng bộ. Nhà trường chưa có khu sân tập đạt chuẩn và thiếu nhà đa năng. Phòng học được xây dựng lâu ngày (năm 1995) xuống cấp, diện tích chật, chưa đảm bảo. Hệ thống tường rào, nhà bảo vệ, sân chơi xuống cấp, ngập lụt khi trời mưa. Trang thiết bị dạy học cũ, hư hỏng nhiều. Thiết bị dạy học cũ, thiếu đồng bộ. Thiếu thiết bị dạy học hiện đại phục vụ cho chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 2,3,4,5,6,7,8,9.

Phương tiện CNTT phục vụ dạy học còn ít và lạc hậu. Những điểm yếu trên khiến cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục rất khó khăn, đòi hỏi kế hoạch giáo dục của nhà trường phải vừa đáp ứng được yêu cầu chung, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện eo hẹp, khó khăn về tài chính và cơ sở vật chất.

2.4. Về hoạt động dạy học và chất lượng giáo dục:

Nhiều năm qua, chất lượng giáo dục toàn diện chưa có sự bứt phá. Công tác phát triển năng khiếu và hỗ trợ học sinh gặp khó khăn trong học tập chưa nổi bật. Những nền tảng đó khó tạo đà để nhà trường phát triển đột phá trong giai đoạn mới.

Chất lượng đại trà các khối lớp đã tiến bộ. Tuy nhiên, chất lượng thi vào THPT chưa cao, bấp bênh không ổn định giữa các năm và có chiều hướng đi xuống, có năm chưa đạt kế hoạch đề ra.

III. Một số kết quả đạt được trong giai đoạn 2019 - 2025.

1. Học sinh

1.1. Sĩ số:

- Tuyển sinh lớp 1 và lớp 6 hàng năm đạt 100%.
- Sĩ số

Năm học	Số lớp	Sĩ số	Năm học	Số lớp	Sĩ số
2019 - 2020	18	549	2022 - 2023	18	580
2020 - 2021	18	563	2023 - 2024	18	573
2021 - 2022	18	585			

- Tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 1%.

1.2. Học sinh giỏi :

- 05 năm trường có học sinh giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh, Quốc gia

Năm học	Số HSG TP	Số HSG tỉnh	Quốc gia	Năm học	Số HSG TP	Số HSG tỉnh	Quốc gia
2019 - 2020	1 Nhì, 3 Ba, 2 KK	1 Ba		2022 - 2023	1 Ba, 3KK, 2 HSG	2 Nhất, 1 Nhì, 3 Ba, 6 KK	1HSG
2020 - 2021	5 Nhì, 4 Ba, 9 KK, 4 HSG	0	2 HSG	2023 - 2024	21 Nhất, 14 Nhì, 18 Ba, 13 KK, 5 HSG	9 Nhất, 11 Nhì, 13 Ba, 4 KK,	3HSG
2021 - 2022	1 Ba, 5 KK	1 Nhì, 1 Ba, 6	1 KK, 3 HSG				

		KK					
--	--	----	--	--	--	--	--

1.3. Tham thi KHKT, STTTNNĐ:

Năm học	Đạt giải cấp thành phố	Đạt giải cấp Tỉnh
2019 - 2020	1 giải Khuyến khích	0
2020 - 2021	1 giải Nhì	0
2021 - 2022	1 giải Khuyến khích	0
2022 - 2023	1 giải Tư	0
2023 - 2024	1 giải Tư	0

1.4. Thi Thể dục thể thao.

Năm học	Đạt giải cấp thành phố	Đạt giải cấp Tỉnh
2019 - 2020	1 Ba	
2020 - 2021	3 Nhì, 2 Ba	0
2021 - 2022		0
2022 - 2023	1 Nhì, 1 Ba	0
2023 - 2024	1 Ba điền kinh, 1 Ba bóng đá TH	2 Nhất, 1 Ba

1.5. Tham gia thi văn nghệ:

1.6. Kết quả thi vào lớp 10 THPT:

Năm học	Điểm trung bình	Xếp thứ cấp thành phố	Năm học	Điểm trung bình	Xếp thứ cấp thành phố
2019 - 2020	27,15	18/19 trường	2022 - 2023	33,13	12/19 trường
2020 - 2021	30,18	12/19 trường	2023 - 2024	31,58	15/19 trường
2021 - 2022	29,88	16/19 trường			

1.7. Chất lượng 2 mặt giáo dục

a. Học lực (Học tập)

Năm học	Nội dung	SS	HS được ĐG	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
				TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
2019 - 2020	Trước KT lại	206	202	31	15,3	81	40,2	75	42,6	13	6,4	4	2,0
	Sau KT lại	206	202	31	15,3	81	40,1	86	37,1	2	1,0	2	1,0
2020 -	Trước KT lại	217	214	46	21,5	77	36,0	80	37,4	11	5,1	0	0,0

2021	Sau KT lại	217	214	46	21,5	77	36,0	88	41,1	3	1,4	0	0.0
2021 - 2022	Trước KT lại	216	215	33	15,3	80	37,2	98	46,5	4	1,9	0	0.0
	Sau KT lại	215	214	33	15,3	80	37,2	101	47,0	1	0,5	0	0.0
2022 - 2023	Trước KT lại	226	225	34	15,1	86	38,2	92	40,9	13	5,8	0	0.0
	Sau KT lại	226	225	33	14,6	90	39,8	102	37,7	2	0,8	0	0.0
2023 - 2024	Trước KT lại	242	240	45	18,8	98	40,8	92	38,3	5	2,1	0	0.0
	Sau KT lại	242	240	45	18,8	98	40,8	97	40,4	0	0	0	0.0

b. Hạnh kiểm (Rèn luyện)

Năm học	Nội dung	SS	Số HS được ĐG	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém	
				TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
2019 -2020	Trước RL lại	207	203	160	78.8	38	18.7	5	2.5	0	0	0	0.0
	Sau RL lại	206	202	167	82,7	31	15,3	4	2,0	0	0	0	0.0
2020 -2021	Trước RL lại	217	214	172	80.7	34	16.0	7	3.3	0	0	0	0.0
	Sau RL lại	217	214	179	83.7	33	15.4	2	0.9	0	0	0	0.0
2021 -2022	Trước RL lại	216	215	172	80.0	37	17.2	6	2.8	0	0	0	0.0
	Sau RL lại	215	214	173	80.8	38	17.8	3	1.4	0	0	0	0.0
2022 -2023	Trước RL lại	226	225	183	81,4	36	15,9	6	2,7	0	0	0	0.0
	Sau RL lại	226	225	183	81,4	36	15,9	6	2,7	0	0	0	0.0
2023 -2024	Trước RL lại	242	240	209	87,1	27	11,2	4	1,7	0	0	0	0.0
	Sau RL lại	242	240	209	87,1	27	11,2	4	1,7	0	0	0	0.0

1.8. Tốt nghiệp THCS, Hoàn thành chương trình Tiểu học.

Năm học	Sĩ số	Số HS TN		Sĩ số	HTCTTH	
		Số HS	%		Số HS	%
2019 - 2020	50	50	100	66	66	100
2020 - 2021	47	46	99,7	44	44	100
2021 - 2022	52	52	100	70	70	100
2022 - 2023	52	52	100	76	76	100
2023 - 2024	62	62	100	81	81	100

1.9. Chất lượng các cuộc thi khác

a. Chất lượng cuộc thi Trạng nguyên Tiếng Việt

Năm học	Cấp thành phố				Cấp tỉnh				Cấp QG
	Nhất	Nhì	Ba	KK	Nhất	Nhì	Ba	KK	
2019 - 2020	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2020 - 2021	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2021 - 2022	0	0	0	0	0	1	1	5	0
2022 - 2023	8	2	0	0	2	1	2	1	0
2023 - 2024	21	14	11	3	7	11	11	3	0

b. Chất lượng cuộc thi Toán Violimpic

Năm học	Cấp thành phố				Cấp tỉnh				Cấp QG
	Nhất	Nhì	Ba	KK	Nhất	Nhì	Ba	KK	
2019 - 2020	0	1	0	1	0	0	0	0	0
2020 - 2021	0	0	0	2	0	0	0	0	0
2021 - 2022	0	1	0	3	0	0	0	0	0
2022 - 2023	0	2	0	6	0	0	0	0	0
2023 - 2024	0	0	5	5	0	0	0	2	0

c. Chất lượng cuộc thi Tiếng anh IOE, trạng nhĩ Tiếng anh

Năm học	Cấp thành phố				Cấp tỉnh				Cấp QG
	Nhất	Nhì	Ba	KK	Nhất	Nhì	Ba	KK	
2019 - 2020	0	0	0	0	0	0	0	0	1HCD
2020 - 2021	0	0	0	0	0	0	0	0	2HSG
2021 - 2022	0	0	1	0	0	0	0	0	4HSG
2022 - 2023	1	0	3	0	0	0	0	0	1HSG
2023 - 2024	0	0	0	0	0	0	0	0	2HSG

d. Chất lượng cuộc thi giao lưu HSG lớp 5

Năm học	Cấp thành phố				Cấp tỉnh				Cấp QG
	Nhất	Nhì	Ba	KK	Nhất	Nhì	Ba	KK	
2023 - 2024	0	0	0	2	0	0	0	0	0

e. Tin học trẻ:

- Năm 2022-2023: 01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích cấp thành phố.
- Năm 2023-2024: 01 giải Khuyến khích Tin học trẻ cấp thành phố.

1.10. Kết quả thi đua:

a. Chi bộ:

Năm	Danh hiệu	Năm	Danh hiệu
2020	HTTNV	2023	HTTXSNV
2021	HTTNV	2024	HTNV
2022	HTTNV		

b. Đội TNTPHCM:

Năm học	Danh hiệu đạt được
2019 - 2020	Vững mạnh - Giấy khen của thành đoàn Chí Linh
2020 - 2021	Vững mạnh - Giấy khen của thành đoàn Chí Linh
2021 - 2022	Vững mạnh - Giấy khen của thành đoàn Chí Linh
2022 - 2023	Vững mạnh - Giấy khen của thành đoàn Chí Linh
2023 - 2024	Vững mạnh - Giấy khen của thành đoàn Chí Linh

c. Công Đoàn:

Công đoàn vững mạnh và Vững mạnh xuất sắc 05 năm liên tục. Được Liên đoàn Lao động thành phố tặng giấy khen năm 2020.

d. Công tác Phổ cập giáo dục:

05 năm liên được PGD&ĐT đánh giá tốt đầu về công tác PCGD.

đ. Trường tích cực tham gia các phong trào của ngành như:

- Thi đua “Dạy tốt - Học tốt” phong trào thi đua “Giỏi việc trường - Đảm việc nhà” và các cuộc vận động “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương Trách nhiệm”, tiếp tục được triển khai trong nhà trường.

- Thực hiện các cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, cuộc vận động “*Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục*”, cuộc vận động “*Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*” và phong trào thi đua “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”. Các phong trào thi đua và các cuộc vận động tạo nên bước đột phá trong công tác thi đua, khen thưởng của ngành cũng như của trường.

e. Kết quả thi đua của nhà trường:

Năm học	Danh hiệu đạt được	Năm học	Danh hiệu đạt được
2019 - 2020	Tập thể Lao động tiên tiến	2022 - 2023	Tập thể Lao động tiên tiến
2020 - 2021	Tập thể Lao động tiên tiến	2023 - 2024	Tập thể Lao động tiên tiến

2021 - 2022	Tập thể Lao động tiên tiến	
-------------	----------------------------	--

g. Kết quả thi đua cá nhân

Năm học	LĐTT	Giấy khen của CTUBND TP	CSTĐCS	Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh
2019 - 2020	33	4	2	0
2020 - 2021	34	5	2	0
2021 - 2022	34	5	4	0
2022 - 2023	35	8	4	2
2023 - 2024	34	2	3	0

h. Kết quả thi đua của Chi đoàn

Năm học	Danh hiệu đạt được
2019 - 2020	Vững mạnh XS - Giấy khen của thành đoàn Chí Linh
2020 - 2021	Vững mạnh XS - Giấy khen của thành đoàn Chí Linh
2021 - 2022	Vững mạnh XS - Giấy khen của thành đoàn Chí Linh
2022 - 2023	Vững mạnh XS - Giấy khen của thành đoàn Chí Linh
2023 - 2024	Vững mạnh XS - Giấy khen của thành đoàn Chí Linh

1.12. Kết quả thực hiện chuyên đề ngoại khóa, nghiên cứu bài học.

Năm học	Chuyên đề		NCBH		Bài học STEM		Ngoại khóa
	Tiểu học	THCS	Tiểu học	THCS	Tiểu học	THCS	
2019 - 2020	0	2	0	2	0	0	0
2020 - 2021	4	4	4	4	1	1	0
2021 - 2022	4	4	4	4	0	0	0
2022 - 2023	6	4	5	4	1	2	4
2023 - 2024	8	4	4	4	0	2	3

1.13. Đội ngũ

Năm	Tổng số	CBQL				Giáo viên				Nhân viên			
		Đạt và trên chuẩn		Chưa chuẩn		Đạt và trên chuẩn		Chưa chuẩn		Đạt và trên chuẩn		Chưa chuẩn	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2019-2020	37	3	100	0	0	24	80,0	6	20,0	4	100	0	0
2020- 2021	37	3	100	0	0	24	80,0	6	20,0	4	100	0	0

2021- 2022	37	3	100	0	0	25	83,3	5	16,7	4	100	0	0
2022-2023	37	3	100	0	0	25	83,3	5	16,7	4	100	0	0
2023- 2024	37	3	100	0	0	25	83,3	5	16,7	4	100	0	0

1.14. Kết quả thi giáo viên giỏi

Năm học	Cấp thành phố		Cấp tỉnh	
	Tiểu học	THCS	Tiểu học	THCS
2019 - 2020	0	0	0	0
2020 - 2021	1	2	0	1
2021 - 2022	1	2	0	0
2022 - 2023	1	2	0	0
2023 - 2024	1	Không t/c thi	0	0

PHẦN 3. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

I. Sứ mệnh

Tạo dựng môi trường học tập và rèn luyện thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn; giúp cho mỗi học sinh đều có điều kiện tốt để phát triển năng lực cá nhân, hoàn thiện bản thân.

II. Tầm nhìn

Phấn đấu trở thành một trong những đơn vị giáo dục có chất lượng cao tốp đầu của thành phố Chí Linh, hướng tới giáo dục nên những người công dân toàn cầu.

III. Phương châm hành động

Chất lượng giáo dục là uy tín và danh dự của nhà trường.

IV. Hệ thống giá trị cơ bản cốt lõi.

- Đoàn kết - Nhân ái
- Tự trọng - Trung thực
- Trách nhiệm - Hợp tác
- Khát vọng - Sáng tạo

PHẦN 4. MỤC TIÊU

I. Mục tiêu chung

- Nâng cao chất lượng đội ngũ CB – GV – NV đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong thời kỳ mới, đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018.

- Huy động nguồn lực để xây dựng hoàn thiện các điều kiện cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mức độ II, đáp ứng tốt yêu cầu chương trình GDPT 1018.

- Xây dựng nhà trường theo mô hình giáo dục hiện đại, phù hợp với điều kiện của địa phương và xu thế phát triển của đất nước.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Mục tiêu ngắn hạn:

1.1. Năm học 2024 – 2025

1.1.1. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện:

a. Cấp THCS

* Chất lượng rèn luyện 95% trở lên học sinh đạt kết quả rèn luyện Tốt, Khá. Không có học sinh vi phạm đạo đức, pháp luật hoặc mắc tệ nạn xã hội.

* Chất lượng giáo dục văn hóa:

+ Tỷ lệ HS đạt kết quả học tập sau kiểm tra lại: Tốt chiếm 13%; Khá chiếm 35%; Chưa đạt dưới 5% trở lên.

+ Chất lượng tuyển sinh vào THPT: xếp thứ 12/19 trường trong thành phố

+ Chất lượng thi HSG cấp thành phố có học sinh giỏi đạt giải, đạt giải cấp thành phố.

* Chất lượng giáo dục thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng sống, hướng nghiệp:

+ Thành lập và tổ chức tốt các câu lạc bộ nghệ thuật, TDTT. Đội tuyển TDTT thi cấp thành phố xếp thứ 10/19 trường.

* Chất lượng các cuộc thi khác: Có sản phẩm tham gia thi KHKT và thi STTTNNĐ đạt giải cấp thành phố, cấp tỉnh.

* Chất lượng xét tốt nghiệp THCS: Đạt 95% trở lên.

b. Cấp Tiểu học:

* Chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục: Hoàn thành tốt: từ 40% trở lên, Hoàn thành: Từ 55% trở lên, chưa hoàn thành dưới 5%.

* Chất lượng năng lực, phẩm chất: Tốt: 60% trở lên, Đạt: 48% trở lên, cần cố gắng dưới 2%.

* Kết quả hoàn thành chương trình lớp học: Hoàn thành chương trình lớp học đạt 98% trở lên, chưa hoàn thành chương trình đạt dưới 2%.

* Kết quả hoàn thành chương trình Tiểu học: đạt 98% trở lên.

* Kết quả các cuộc thi: Tham gia đầy đủ các cuộc thi do phòng, sở giáo dục, và các cuộc thi trên mạng Internet tổ chức. Có học sinh đạt giải, đạt giải cấp thành phố, cấp tỉnh, cấp quốc gia.

1.1.2. Bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng tốt yêu cầu của công tác quản lý và dạy học theo chương trình GDPT mới: bổ sung các trang thiết bị dạy học như ti vi máy tính phục vụ cho quá trình dạy và học của giáo viên và học sinh.

1.2. Năm học 2025 – 2026:

1.2.1. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện:

a. Cấp THCS

* Chất lượng rèn luyện 96% trở lên học sinh đạt kết quả rèn luyện Tốt, Khá. Không có học sinh vi phạm đạo đức, pháp luật hoặc mắc tệ nạn xã hội.

* Chất lượng giáo dục văn hóa:

+ Tỷ lệ HS đạt kết quả học tập sau kiểm tra lại: Tốt chiếm 14%; Khá chiếm 38%; Chưa đạt dưới 5% trở lên.

+ Chất lượng tuyển sinh vào THPT: điểm bình quân đạt 17,5 điểm trên tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trở lên. Trong đó từ 60 % học sinh đỗ vào lớp 10 THPT công lập.

+ Chất lượng thi HSG: có học sinh giỏi đạt giải, đạt giải cấp tỉnh.

* Chất lượng giáo dục thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng sống, hướng nghiệp:

+ Thành lập và tổ chức tốt các câu lạc bộ nghệ thuật, TDTT. Đội tuyển TDTT thi đạt giải cấp tỉnh.

* Chất lượng các cuộc thi khác: Có sản phẩm tham gia thi KHKT và thi STTTNNĐ đạt giải cấp tỉnh.

* Chất lượng xét tốt nghiệp THCS: Đạt 98% trở lên.

b. Cấp Tiểu học:

* Chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục: Hoàn thành tốt: từ 43% trở lên, Hoàn thành: Từ 52% trở lên, chưa hoàn thành dưới 5%.

* Chất lượng năng lực, phẩm chất: Tốt: 60% trở lên, Đạt: 48% trở lên, cần cố gắng dưới 2%.

* Kết quả hoàn thành chương trình lớp học: Hoàn thành chương trình lớp học đạt 98% trở lên, chưa hoàn thành chương trình đạt dưới 2%.

* Kết quả hoàn thành chương trình Tiểu học: đạt 100% trở lên.

* Kết quả các cuộc thi: Tham gia đầy đủ các cuộc thi do sở giáo dục, và các cuộc thi trên mạng Internet tổ chức. Có học sinh đạt giải, đạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia.

1.2.2. Bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng tốt yêu cầu của công tác quản lý và dạy học theo chương trình GDPT mới. Tham mưu xây tường rào, nhà bảo vệ, cổng trường, lát sân trường, từng bước nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn đảm bảo năm 2027 đề nghị công nhận Chuẩn Quốc gia mức độ 2, kiểm định cấp độ 3.

1.3. Năm học 2026 – 2027:

1.3.1. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện:

a. Cấp THCS

* Chất lượng rèn luyện 97% trở lên học sinh đạt kết quả rèn luyện Tốt, Khá. Không có học sinh vi phạm đạo đức, pháp luật hoặc mắc tệ nạn xã hội.

* Chất lượng giáo dục văn hóa:

+ Tỷ lệ HS đạt kết quả học tập sau kiểm tra lại: Tốt chiếm 15%; Khá chiếm 40%; Chưa đạt dưới 5% trở lên.

+ Chất lượng tuyển sinh vào THPT: điểm bình quân đạt 17,8 điểm trên tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trở lên. Trong đó từ 62 % học sinh đỗ vào lớp 10 THPT công lập.

+ Chất lượng thi HSG: có học sinh giỏi đạt giải, đạt giải cấp tỉnh.

* Chất lượng giáo dục thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng sống, hướng nghiệp:

+ Thành lập và tổ chức tốt các câu lạc bộ nghệ thuật, TDTT. Đội tuyển TDTT thi đạt giải cấp tỉnh.

* Chất lượng các cuộc thi khác: Có sản phẩm tham gia thi KHKT và thi STTTNNĐ đạt giải cấp tỉnh.

* Chất lượng xét tốt nghiệp THCS: Đạt 98% trở lên.

b. Cấp Tiểu học:

* Chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục: Hoàn thành tốt: từ 45% trở lên, Hoàn thành: Từ 52% trở lên, chưa hoàn thành dưới 3%.

* Chất lượng năng lực, phẩm chất: Tốt: 62% trở lên, Đạt: 46% trở lên, cần cố gắng dưới 2%.

* Kết quả hoàn thành chương trình lớp học: Hoàn thành chương trình lớp học đạt 98% trở lên, chưa hoàn thành chương trình đạt dưới 2%.

* Kết quả hoàn thành chương trình Tiểu học: đạt 100% trở lên.

* Kết quả các cuộc thi: Tham gia đầy đủ các cuộc thi do sở giáo dục, và các cuộc thi trên mạng Internet tổ chức. Có học sinh đạt giải, đạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia.

1.3.2. Bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng tốt yêu cầu của công tác quản lý và dạy học theo chương trình GDPT mới. Tham mưu xây nhà đa năng, nhà xe học sinh, nhà vệ sinh dành cho học sinh ở mỗi tòa nhà, mỗi dãy phòng học, xây mới thay thế các phòng học cũ đề nghị công nhận Chuẩn Quốc gia mức độ 2, kiểm định cấp độ 3.

2. Mục tiêu trung hạn: Đến năm 2030, phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Chất lượng giáo dục được khẳng định trong топ các trường trên trung bình của tỉnh.

2.2. Xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình phục vụ hoạt động giáo dục: nhà đa năng, nhà xe học sinh, nhà vệ sinh dành cho học sinh ở mỗi tòa nhà mỗi dãy phòng học. Xây tường rào, nhà bảo vệ, cổng trường, lát sân trường.

2.3. 100% CB, GV, NV có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt việc chuyển đổi số, ứng dụng CNTT vào quản lý và giảng dạy.

- Duy trì vững chắc và nâng cao các tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia. Phấn đấu đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng cấp độ 3.

- Phấn đấu trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến xuất sắc.

2.4. CSVC trang thiết bị khang trang và đồng bộ.

3. Mục tiêu dài hạn: Đến năm 2035, phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

3.1. Chất lượng giáo dục được khẳng định giữ vững trong топ 50 trường có chất lượng cao của tỉnh Hải Dương.

3.2. Quy mô nhà trường ổn định và phát triển.

3.3. Duy trì bền vững và từng bước nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia. Đến năm 2027 đề nghị công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ III, trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II.

3.4. Tham mưu địa phương thực hiện đầy đủ các hạng mục CSVC trong Quy hoạch phát triển nhà trường đến năm 2035- một ngôi trường hiện đại.

PHẦN 5. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh

1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục:

- Phát huy tối đa trí tuệ cá nhân kết hợp với trí tuệ tập thể của tổ, nhóm chuyên môn trong trường, liên trường trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục.

- Tổ chức xây dựng Kế hoạch giáo dục cho từng năm học phù hợp mục tiêu, chương trình GDPT ban hành kèm theo TT 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT, phù hợp với đặc điểm tình hình thực tiễn của địa phương và đơn vị.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo nội dung chương trình, kế hoạch giáo dục phù hợp với đặc điểm tình hình của đơn vị trong từng năm học.

- Tiếp tục chỉ đạo các tổ nhóm chuyên môn đầu tư xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập. Tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu nghiêm túc, hiệu quả theo kế hoạch.

2. Tích cực đổi mới hình thức, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh:

- Tập trung đổi mới hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động dạy học nhằm từng bước thực hiện được mục tiêu giáo dục: rèn luyện phẩm chất, phát triển năng lực của học sinh. Chỉ đạo giáo viên kết hợp linh hoạt, sáng tạo, có hiệu quả các hình thức và phương pháp dạy học. Tổ chức hoạt động dạy học thông qua các hoạt động thực tiễn của học sinh; gắn hoạt động học tập với thực tiễn cuộc sống ở địa phương. Đặc biệt quan tâm việc thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục địa phương.

- Chú trọng việc thành lập các câu lạc bộ khoa học, văn học, nghệ thuật, TDTT; tổ chức, hướng dẫn các câu lạc bộ hoạt động có hiệu quả nhằm tạo điều kiện cho học sinh được vui chơi, sáng tạo, từ đó phát triển năng lực, trau dồi phẩm chất, rèn luyện kỹ năng.

- Tổ chức thực hiện đa dạng hóa hình thức, phương pháp đánh giá học sinh. Kết hợp đánh giá bằng điểm số với đánh giá bằng nhận xét; kết hợp đánh giá của giáo viên và tự đánh giá của học sinh; kết hợp đánh giá kết quả học tập và đánh giá hoạt động thực tiễn của học sinh. Đảm bảo đánh giá học sinh toàn diện, chính xác, khách quan, công bằng theo hướng ghi nhận, động viên thúc đẩy sự tự hoàn thiện của học sinh.

- Thực hiện tốt việc chuyển đổi số trong quá trình quản lý và giảng dạy. Từng bước nâng cao yêu cầu ứng dụng CNTT trong dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Mạnh dạn đầu tư cho các hoạt động giáo dục có nội dung mới, mang tính đột phá.

II. Nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ CB, GV, NV:

1. Nâng cao năng lực quản trị nhà trường

- Xây dựng cơ cấu tổ chức nhà trường hoàn thiện, đầy đủ, đúng theo Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Đảm bảo các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường đồng bộ, vững mạnh, hoạt động hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định.

- Xây dựng bộ quy chế làm việc, quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ khoa học, cụ thể, đúng quy định, phù hợp với đặc điểm thực tiễn của đơn vị, đảm bảo tính pháp lý cao.

- Từng bước đầu tư nâng cấp thiết bị CNTT, triển khai sử dụng các phần mềm quản lý trường học. Đến hết năm 2025, thực hiện hoàn thành lộ trình số hóa trong quản lý trường học.

- Phát huy tối đa vai trò, chức năng, hoạt động của Ban thanh tra nhân dân trong việc giám sát hoạt động của Ban giám hiệu và các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường.

2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục học sinh

Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá. Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh.

Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lí thuyết với thực tiễn, giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản;

Người phụ trách: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, các đoàn thể trong trường và các tổ trưởng chuyên môn, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm.

3. Nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ

- Tích cực tham mưu với các cấp có thẩm quyền bổ sung đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng và cơ cấu. Có năng lực chuyên môn Khá, giỏi; có trình độ Tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách su phạm mẫu mực.

- Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có nhu cầu tiếp tục học nâng cao trình độ chuyên môn. Quan tâm việc xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nguồn và bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới.

- Thường xuyên giáo dục tư tưởng chính trị, bồi dưỡng năng lực, rèn luyện phẩm chất, lối sống cho CB, GV, NV. Xây dựng đội ngũ mạnh về chất lượng, có phẩm chất chính trị, có năng lực chuyên môn khá giỏi, có trình độ tin học, ngoại

ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực; tâm huyết, gắn bó với nhà trường; đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

III. Xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị dạy học

1. Xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hoá, bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài;

2. Quản lý, sử dụng các nguồn tài chính hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm. Hằng năm, dành khoản kinh phí phù hợp cho việc mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.

3. Tham mưu kịp thời với các cấp quản lý đầu tư kinh phí, xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu và quy mô phát triển của nhà trường theo từng giai đoạn.

4. Tích cực tuyên truyền, vận động các lực lượng xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm huy động được nhiều nguồn tài trợ phục vụ cho việc xây dựng, tu bổ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

5. Tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, không để hư hỏng, mất mát, lãng phí tài sản nhà trường.

IV. Thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục, huy động nguồn lực tài chính, xã hội hóa giáo dục. Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục

1. Thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy chế, quy định của ngành, nhất là thực hiện Quy chế dân chủ trong đơn vị.

- Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh theo đúng quy định của pháp luật.

2. Huy động nguồn lực tài chính, xã hội hóa giáo dục

- Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc các hoạt động khuyến học khuyến tài và tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm phát triển hoạt động giáo dục nhà trường.

- Xây dựng nhà trường văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên;

- Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển nhà trường:

+ Nguồn lực tài chính: Ngân sách Nhà nước; Học phí; Dịch vụ của nhà trường;

Xã hội hóa: sự hỗ trợ của các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và cá nhân.

+ Nguồn lực vật chất: Khuôn viên nhà trường, phòng học, phòng làm việc và các công trình phụ trợ; Trang thiết bị giảng dạy, công nghệ phục vụ dạy - học;

3. Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong hoạt động giáo dục

- Xây dựng mối quan hệ gắn bó, chặt chẽ với Ban Đại diện cha mẹ học sinh theo đúng Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh đã được ban hành.

- Xây dựng mối quan hệ hợp tác, hỗ trợ với các ban ngành đoàn thể, doanh nghiệp và nhân dân địa phương trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

- Thường xuyên lắng nghe, tiếp thu các ý kiến đóng góp, xây dựng của cộng đồng trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với thực tiễn của đơn vị.

- Tăng cường các hoạt động giao lưu trong hoạt động giáo dục với các đơn vị bạn và địa phương.

4. Xây dựng thương hiệu

- Xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với Nhà trường;

- Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và Cha mẹ học sinh;

- Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

PHẦN 6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Phổ biến kế hoạch chiến lược

Kế hoạch chiến lược được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, CNV nhà trường, cơ quan chủ quản, PHHS, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường

II. Tổ chức

Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược là bộ phận chịu trách nhiệm điều phối quá trình triển khai kế hoạch chiến lược. Điều chỉnh kế hoạch chiến lược sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

III. Lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược

1. Giai đoạn 1: Từ năm 2025 – 2027

Triển khai chiến lược đến toàn thể cán bộ, giáo viên, báo cáo lên các cơ quan quản lý xin ý kiến chỉ đạo.

+ Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, thu thập ý kiến đóng góp, bổ sung.

+ Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết các nội dung.

- Tham mưu cấp trang thiết bị phục vụ dạy học.

Trường phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nâng chất lượng giáo dục và xếp loại thi đua đứng trong top 50 trường trong toàn tỉnh.

- Khẳng định mình về chất lượng giáo dục. Xây dựng được thương hiệu, uy tín của nhà trường trong cộng đồng và nhất là trong phụ huynh học sinh.

- Đề nghị Kiểm định CLGD cấp độ 3 và công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 2.

2. Giai đoạn 2: Từ năm 2028 – 2030

- Tuyên truyền, quảng bá thương hiệu nhà trường.

- Tiếp tục trang bị thêm cơ sở vật chất phục vụ tốt cho công tác dạy và học.

3. Giai đoạn 3: Từ năm 2030 – 2035

Kế thừa các thành quả giáo dục của năm 2030, phát huy thành tựu, phát triển nhà trường theo định hướng chất lượng toàn diện, hiệu quả. Xây dựng thương hiệu giáo dục và đảm bảo các điều kiện để đạt trường cấp độ 3 về KĐCLGD và đạt mức độ 2 về trường chuẩn quốc gia.

IV. Trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức.

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng

- Trình lãnh đạo Phòng GD&ĐT thành phố Chí Linh xem xét, phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến 2035. Báo cáo Đảng ủy, HĐND, UBND phường Thái Học về nội dung của Kế hoạch.

- Phổ biến Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến 2035 tới toàn thể CB, GV, NV, HS trong nhà trường. Tuyên truyền nội dung Kế hoạch rộng rãi tới CMHS và các tầng lớp nhân dân ở địa phương.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra theo lộ trình trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học.

2. Trách nhiệm của tổ chuyên môn và các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường

- Căn cứ Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2035; căn cứ Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể của tổ chức, đoàn thể và của tổ chuyên môn theo tuần, tháng, năm và từng đợt thi đua phù hợp chức năng nhiệm vụ quy định.

- Tham mưu việc phân công lao động hợp lý dựa trên nguồn lực, khả năng và trách nhiệm của từng thành viên.

- Thường xuyên kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học của các thành viên. Hằng năm, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn hoặc tổ chức, đoàn thể nhằm rút kinh nghiệm, xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trong các năm tiếp theo.

- Trong quá trình thực hiện cần đóng góp ý kiến với lãnh đạo nhà trường để có giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả công việc.

3. Trách nhiệm của đội ngũ giáo viên, nhân viên

- Thực hiện kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch chung của nhà trường.

- Không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Phần đầu trở thành giáo viên, nhân viên giỏi là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo cho học sinh noi theo.

- Phát huy tinh thần vượt khó vươn lên, luôn có khát vọng được đóng góp sức mình vào sự phát triển của nhà trường.

4. Trách nhiệm của học sinh

- Ra sức học tập, rèn luyện bản thân, vượt khó, vươn lên trong học tập và trong cuộc sống.

- Tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, rèn kỹ năng sống để có vốn sống cần thiết, có phẩm chất tốt, có kỹ năng tốt, trở thành người công dân toàn cầu.

5. Trách nhiệm của Ban đại diện cha mẹ học sinh và các bậc CMHS:

- Phối hợp với nhà trường, giáo dục, bồi dưỡng cho học sinh các giá trị cơ bản trong hệ thống các giá trị trong chiến lược đã vạch ra.

- Luôn có những ý kiến tham mưu, đóng góp về tinh thần và vật chất, giúp đỡ và ủng hộ nhà trường về mọi mặt. Cùng nhà trường hoàn thành các mục tiêu chủ yếu của chiến lược.

Trên đây là Kế hoạch chiến lược phát triển trường TH&THCS Thái Học giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến 2035. Kế hoạch chiến lược nhằm định hướng cho quá trình xây dựng và phát triển nhà trường trong thời gian 5 năm tới,

giúp cho nhà trường có sự điều chỉnh hợp lý trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm. Kế hoạch chiến lược nhằm thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong giảng dạy và học tập, xây dựng nhà trường ngày một vững mạnh để xứng đáng với niềm tin của nhân dân và xã hội, đáp ứng ngày một tốt hơn các yêu cầu đổi mới giáo dục của đất nước./.

Nơi nhận;

- Phòng GD&ĐT (phê duyệt);
- Đảng ủy, HĐND, UBND phường Thái Học (báo cáo);
- Lãnh đạo nhà trường (tổ chức t/h);
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Thu Thủy

PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ CHÍ LINH



**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
TRINH XUÂN DƯƠNG**

